

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
T PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:195/2020/HS - ST
Ngày 30/11/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – T PHỐ HÀ NỘI

- T *phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Minh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Xuân Đỉnh

2. Ông Nguyễn Hữu Đệ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Xuân Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, T phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 207/2020/TLST – HS ngày 19/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN ĐĂNG T**, sinh năm 2001; HKTT và chỗ ở: Khu phố PK, QV, SS, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bố: Trần Đăng D; Mẹ: Ngô Thị L; TATS: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn T - Trợ giúp viên Chi nhánh số 5, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước T phố Hà Nội (có mặt).

Người bị hại: Anh Nguyễn Đức L 1996; HKTT: KĐ1, QC, SS, Thanh Hóa (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1979 (mẹ bị cáo T); trú tại: Khu phố PK, QV, SS, Thanh Hóa (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Đăng T làm thuê cho anh Nguyễn Đức L, anh L và

T thỏa thuận, anh L sẽ nuôi ăn, ở và giao cho T xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 36B4-439.53 để sử dụng chở người đi làm cho anh L. Quá trình làm thuê cho anh L, T đã tạm ứng trước tiền lương và tiêu xài hết. Vào khoảng cuối tháng 7/2019, T thấy anh L mua chiếc điện thoại di động Samsung galaxy A10 mới, do hết tiền tiêu xài nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại của anh L. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 20/7/2019, T đi sang phòng của anh L thì thấy cháu Trần Văn Đ (Sn: 2007; HKTT: Tân Hải, Hải Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa; ở cùng anh L và T) và anh L đang nằm ngủ còn chiếc điện thoại di động Samsung galaxy A10 của anh L để trên nền nhà. Thấy vậy, T cầm chiếc điện thoại, cất giấu vào túi áo đang mặc rồi quay về phòng của T. Sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại, đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày thì T lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS:36B4 – 439.53 đi đến cửa hàng Internet của chị Nguyễn Thị T (Sn: 1985; trú tại: HD, KC, ĐA, Hà Nội – làm chủ) chơi điện tử. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, T mang điện thoại di động trộm cắp được của anh L đến cửa hàng mua, bán sửa chữa điện thoại “HH Mobile” gặp anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1987 - chủ cửa hàng) địa chỉ: Thôn B, KC, ĐA, Hà Nội đặt vấn đề cầm cố điện thoại lấy 2.000.000đồng. Anh H nói “bán mới được giá 2.000.000 đồng còn cầm cố chỉ được 1.500.000 đồng, T đồng ý cầm cố lấy tiền đi chơi điện tử. Sau đó, do chơi hết tiền T quay lại cửa hàng gặp anh H , anh H đồng ý mua và trả thêm số tiền 500.000 đồng cho T rồi lấy lại giấy cầm cố xé bỏ đi. T tiếp tục quay lại cửa hàng Internet chơi game. Anh L không thấy T về đưa người đi bán hàng nên liên lạc điện thoại nhiều lần nhưng T không nghe. Ba ngày sau, T gặp Trần Văn T2 (Sn: 1993; trú tại: TB, VN, ĐA, Hà Nội) rồi nhờ dẫn đến gặp anh Vũ Đình K (Sn: 1994; Nơi ĐKKHKT: NX, QH, QP, Thái Bình – tạm trú tại: Thôn B, KC, ĐA, Hà Nội - bạn T1). Khi gặp K, T cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS:36B4.439.53 cho K được 2000.000đồng. Sau khi nhận tiền, T cho T1 vay 100.000 đồng rồi quay lại cửa hàng Internet tiếp tục chơi điện tử. Vài ngày sau, T1 gặp K rồi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS: 36B4 – 439.53 đi về nhà. Sau đó T1 cho Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1991; trú tại: MN, BH, ĐA, Hà Nội – bạn của T1) mượn lại chiếc xe. Quá trình sử dụng, T2 làm rơi mất chiếc BKS: 36B4-439.53 nên lắp chiếc BKS: 99H8-1609 vào để đi tạm rồi trả lại chiếc xe cho T1. Sau đó, T1 đem xe trả lại cho K và phát hiện BKS bị thay nên bảo K “đi làm lại hết bao tiền anh gửi”. Đến khoảng đầu tháng 8/2019, cháu Đ đi bán hàng tại chợ “M” thuộc Thôn B, KC, ĐA, Hà Nội thì gặp K, K nói “ bảo anh mày đến chuộc xe

về”. Đạt xin số điện thoại của K và báo cho anh L biết việc T đã cầm cố chiếc xe. Anh L đi tìm phát hiện T chơi điện tử nên đưa T về nhà trọ. T nói với anh L đã bán chiếc điện thoại và đi cầm cố chiếc xe máy của anh L, T xin tiếp tục T làm thuê cho anh L để trả nợ dần nhưng sau đó T đón xe khách về quê. Do không thấy T đến lấy xe nên ngày 04/8/2019, K đã bán chiếc xe máy cho chị Nguyễn Thị H (Sn: 1991; trú tại: Xóm ĐH, TH, TK, Nghệ An – tạm trú tại: Thôn B, KC, ĐA, Hà Nội – bạn cùng khu nhà trọ) với giá 2.500.000đồng để chị H làm phương tiện đi lại. Sau đó chị H mang chiếc xe đi sửa chữa hết số tiền 3.000.000đồng. Ngày 09/8/2019, anh L gặp chị H tại gầm cầu vượt KC, KC, ĐA để xin chuộc chiếc xe thì lực lượng Công an đến đưa về trụ sở để làm rõ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 412 ngày 21/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đông Anh kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A10, kèm sim thuê bao số 0326876174, trị giá 2.700.000đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Hoada Wave, BKS: 99H8-1609 trị giá: 10.200.000đồng. Tổng trị giá tài sản anh L bị chiếm đoạt là 12.900.000đ.

Đối với Vũ Văn K, Trần Đăng T1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn H kết quả điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của T nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hoada Wave, BKS: 36B4-43953 cơ quan điều tra đã trao trả lại cho anh L.

Về phần dân sự: Bị cáo Trần Đăng T đã bồi thường cho anh L số tiền 6.300.000đ; anh L có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo T.

Tại bản cáo trạng số 198/CT-VKS-ĐA ngày 10/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã truy tố bị cáo Trần Đăng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Bị cáo Trần Đăng T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo đề nghị được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bảo vệ; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các tình tiết giảm nhẹ mà được hưởng tại điểm b, i, h, s khoản 1 Điều 51 xử phạt bị cáo T ở mức dưới khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T theo tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đăng T từ 5 đến 8 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 175; Điểm b, h, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đăng T từ 5 đến 8 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về phần dân sự: Bị cáo đã tác động cho gia đình bồi thường cho người bị hại 6.300.000đ, nay người bị hại không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong quá trình điều tra vụ án nên có căn cứ xác định: Khoảng 1 giờ 30 phút ngày 20/7/2019, tại thôn CĐ, xã HB, huyện ĐA, bị cáo Trần Đăng T đã có hành vi trộm cắp của anh Nguyễn Đức L 01 chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy A10, kèm sim số thuê bao 032687174, trị giá 2.700.000đ; Ngoài ra Trần Đăng T còn có hành vi lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt chiếc xe máy Honda của anh L giao cho sử dụng đưa, đón người đi làm hàng ngày; trị giá tài sản là 10.200.000đ.

Hành vi của Trần Đăng T đã cấu T tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Nội dung Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Nội dung Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản

của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”:

...

Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình có xem xét các tình tiết bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại; bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm cho bị cáo - đây là căn cứ giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự lẽ ra bị cáo phải chịu.

Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng xét thấy bị cáo Trần Đăng T không có nghề nghiệp ổn định nên không phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về phần dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì bồi thường bổ sung nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại đều quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Đăng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đăng T 06 (sáu) tháng tù.

2. Tuyên bố: Bị cáo Trần Đăng T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đăng T 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt - buộc bị cáo Trần Đăng T phải chấp hành hình phạt chung của 2 tội là 15 (mười lăm) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Áp dụng Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản tổng đạt án hợp lệ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại;
- VKSND. T. phố Hà Nội;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Minh Cường